| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 01 – 2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Lâm Hoài Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

2. Ông Duyên Văn Hiền.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 822/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc K, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 096093003838, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp 2, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Chị Lê Hoài T, sinh năm 1994; Căn cước công dân số 096194006099, cấp ngày 03/6/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp 5, xã C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, anh K cho rằng giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, riêng chị T cũng đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung, anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T khai chưa có.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do bận công việc nên anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T cùng có yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt anh, chị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, các đương sự đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 139/2022, ngày 22/12/2022 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa song các đương sự đã có ý kiến thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn và đồng thuận ly hôn với nhau nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung, các đương sự khai chưa có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

**-** Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quốc K về việc xin ly hôn chị Lê Hoài T.

- Về con chung, anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T khai chưa có nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Trần Quốc K và chị Lê Hoài T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Trần Quốc K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 01/12/2025, anh K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005612 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
**Lâm Hoài Ân**